

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03-5-2024

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Tâm.

Bà Lê Thị Thanh Nhã.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Trân – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim T, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Anh Võ Hậu G, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 01 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào tháng 02/2009 chị T và anh Võ Hậu G tự nguyện sống chung và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đến ngày 04/02/2009

chị T và anh G đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn chị T và anh G chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng sống không còn hạnh phúc, anh G bỏ đi biệt tích cho đến nay, chị T có yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung tuyên bố anh Võ Hậu G mất tích. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung ban hành quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự “Về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích” số 03/2023/QĐST-VDS ngày 12/12/2023 và “Tuyên bố anh Võ Hậu G, sinh năm 1985; nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng mất tích”, chị T và anh G không còn sống chung từ tháng 01/2017 cho đến nay.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh G có 02 người con chung tên Võ Phước T1, sinh ngày 01/01/2010 và Võ Trọng P, sinh ngày 02/10/2014, hiện nay cháu T1 và cháu P đang sống chung với chị T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Võ Hậu G.

- Về con chung: Chị T yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Võ Phước T1, sinh ngày 01/01/2010 và Võ Trọng P, sinh ngày 02/10/2014 cho đến khi cháu T1 và cháu P thành niên, chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 19/TB-TLVA ngày 26 tháng 02 năm 2024, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Võ Hậu G bằng hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú cuối cùng của anh G trước khi mất tích, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nơi cư trú cuối cùng của anh G) và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, nhưng không có tin tức gì về anh G và anh G cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập hợp lệ anh G bằng hình thức niêm yết công khai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh G không có mặt theo thời gian và địa điểm đã ấn định trong nội dung thông báo, giấy triệu tập nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh G trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng

các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau, không còn sống chung với nhau thời gian dài, bị đơn đã bỏ đi và đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung giao cháu Võ Phước T1, sinh ngày 01/01/2010 và Võ Trọng P, sinh ngày 02/10/2014 cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị T có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Kim T, trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và anh Võ Hậu G có nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích là tại địa chỉ ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh G, yêu cầu được nuôi con chung. Chị T đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn và thông báo cho chị T nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị T đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý việc khởi kiện của chị Lê Thị Kim T là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với bị đơn anh Võ Hậu G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Võ Hậu G.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim T, sinh năm 1986 và anh Võ Hậu G, sinh năm 1985 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04, ngày 01 tháng 02 năm 2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Kim T và anh Võ Hậu G là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Lê Thị Kim T, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị T, anh G hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, đến tháng 01 năm 2017 thì anh G đã bỏ đi và đến ngày 12 tháng 12 năm 2023 đã bị Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tuyên bố mất tích; theo khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn*”, căn cứ vào quy định này, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[5] Về con chung: Chị T và anh G có 02 người con chung tên Võ Phước T1, sinh ngày 01/01/2010 và Võ Trọng P, sinh ngày 02/10/2014, các con chung đều sống chung với chị T. Tại các văn bản ghi nhận ý kiến, thì cháu P và cháu T1 có nguyện vọng được sống chung với chị T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu Võ Phước T1, sinh ngày 01/01/2010 và Võ Trọng P, sinh ngày 02/10/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T không yêu cầu Tòa án xem xét về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho anh G mà không ai được cản trở. Anh G không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị T.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Lê Thị Kim T là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Kim T và anh Võ Hậu G ly hôn.

2. Về con chung: Giao các con chung tên Võ Phước T1, sinh ngày 01/01/2010 và Võ Trọng P, sinh ngày 02/10/2014 cho chị Lê Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung mà không ai được cản trở. Anh G không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị T.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000069 ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Lê Thị Kim T đã nộp xong án phí.

6. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND xã A, huyện C;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn